

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG NGHỀ QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH

Tuyển sinh 12/12 - Thời gian đào tạo 3 năm

Thực hiện từ khóa 2011

Mã MH, MĐ	Tên môn học(MH), Môđun(MĐ)	ĐV HT	Tổng số tiết	Số tiết		HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	Ghi chú
				LT	TH	15 tuần	15 tuần	15 tuần	15 tuần	15 tuần	15 tuần	
						Số tiết	Số tiết	Số tiết	Số tiết	Số tiết	Số tiết	
CÁC MÔN HỌC CHUNG												
1	MH Giáo dục Quốc phòng	2	75		75	x						Học 2 tuần
2	MH Giáo dục thể chất 1	1	30		30	<2>						Học trái buổi
3	MH Giáo dục thể chất 2	1	30		30		<2>					Học trái buổi
4	MH Pháp luật	2	30	30		2						
5	MH Chính trị	6	90	90					6			
6	MH Anh văn 1	4	60	60		<4>						
7	MH Anh văn 2	4	60	60			<4>					
8	MH Anh văn 3	4	60	60				4				
9	MH Anh văn chuyên ngành	3	45	45					3			
CÁC MÔN HỌC, MÔĐUN CƠ SỞ												
10	MĐ Lắp ráp, cài đặt máy tính+ĐAMH	6	90	45	45	6						
11	MH Lập trình căn bản	3	45	45		3						
12	MĐ TH Lập trình căn bản	1	45		45	<3>						Học trái buổi
13	MH Toán rời rạc	3	45	45		3						
14	MH Mạng máy tính	3	45	45		3						
15	MH Tin học ứng dụng	5	75	45	30	5						
16	MH Kỹ thuật lập trình	4	60	30	30		4					
17	MĐ Điện tử cơ bản	5	105	45	60		7					
18	MH Kiến trúc máy tính	5	75	45	30		5					

Mã MH, MĐ	Tên môn học, Mô đun	ĐV HT	Tổng số tiết	Số tiết		HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	Ghi chú
				LT	TH	15 tuần	15 tuần	15 tuần	15 tuần	15 tuần	15 tuần	
						Số tiết	Số tiết	Số tiết	Số tiết	Số tiết	Số tiết	
19	MH Cơ sở dữ liệu	5	75	75			5					
20	MĐ Xử lý ảnh (Photoshop)	3	45	15	30		3					
21	MH Lập trình trên môi trường Windows	5	90	45	45				6			
	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN NGÀNH											
22	MH Mạng máy tính nâng cao+ĐAMH	5	75	75			5					
23	MĐ TH Mạng máy tính	1	45		45		<3>					Học trái buổi
24	MH Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	4	60	30	30			4				
25	MH Hệ điều hành	5	75	45	30			5				
26	MĐ Quản trị hệ thống mạng+ĐAMH	6	135	45	90			9				
27	MH Hệ quản trị CSDL	5	75	45	30			5				
28	MĐ Thiết kế Web	5	90	45	45				6			
29	MH Các dịch vụ mạng+ĐAMH	6	120	60	60				8			
30	MH Quản trị mạng Linux	6	90	45	45					6		
31	MH Thiết kế và bảo mật hệ thống mạng+ĐAMH	6	120	45	75					8		
32	MH Lập trình ứng dụng web	6	90	45	45					6		
33	MH Quản lý dự án CNTT	3	45	45						3		
34	MĐ Thực tập tốt nghiệp	15	435		435						29	
	THI TỐT NGHIỆP											
35	Lý thuyết nghề	1	30		30							
36	Thực hành nghề	1	30		30							
37	Chính trị	1	30		30							
	Tổng số tiết	153	2820	1350	1470	22	29	27	29	23	29	

Ghi chú:

- Học phần Anh văn 1, Anh văn 2 sinh viên học tại trung tâm Anh văn của trường vào buổi tối hoặc tại các trung tâm khác.
- Sinh viên phải dự thi hết học phần Anh văn 1, Anh văn 2 để tính điểm học phần vào học kỳ tương ứng 1 và 2.
- Kết thúc học kỳ 2 sinh viên phải nộp chứng chỉ A Anh văn.
- Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên không còn nợ học phần nào và phải xuất trình chứng chỉ A Anh văn.

Khuyến khích:

- Giáo viên đưa các thuật ngữ chuyên môn bằng tiếng Anh (các định nghĩa, khái niệm chuyên ngành) vào giảng dạy trong các học phần thuộc khối kiến thức kỹ thuật cơ sở và kỹ thuật chuyên môn.
- Đưa 1 chuyên đề (01 bài giảng bằng tiếng Anh) vào nội dung giảng dạy chuyên môn trong mỗi học phần.

**PHÂN PHỐI THỜI GIAN NĂM HỌC (THEO TUẦN)
BẠC ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG NGHỀ**

Năm học	Tuần	Lao động Quân sự	Tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp	Thi HK	HK phụ	Dự trữ	Đầu khóa-Tổng kết	Nghỉ		Cộng
									Tết	Hè	
I	30				4	5+HÈ		1	3	5	48
II	30	2			4	5+HÈ	3	0	3	5	52
III	15		3	15	2	7	5	1	3	5	56
Tổng cộng	75	2	3	15	10	17	8	2	9	15	156

Ngày 20 tháng 6 năm 2011
HIỆU TRƯỞNG

LỊCH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG NGHỀ QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH

Thực hiện từ năm 2011

		NĂM THỨ NHẤT			NĂM THỨ HAI			NĂM THỨ BA
1			1		DỰ TRỮ	1		DỰ TRỮ
2			2		QUÂN SỰ	2	T1	
3			3		QUÂN SỰ	3	T2	
4			4	T1		4	T3	
5		SINH HOẠT ĐẦU KHOA	5	T2		5	T4	
6	T1		6	T3		6	T5	
7	T2		7	T4		7	T6	
8	T3		8	T5		8	T7	
9	T4		9	T6		9	T8	
10	T5		10	T7		10	T9	
11	T6		11	T8		11	T10	
12	T7		12	T9		12	T11	
13	T8		13	T10		13	T12	
14	T9		14	T11		14	T13	
15	T10		15	T12		15	T14	
16	T11		16	T13		16	T15	
17	T12		17	T14		17		THI HỌC KỲ 5
18	T13		18	T15		18		THI HỌC KỲ 5
19	T14		19		THI HỌC KỲ 3	19		HỌC KỲ PHỤ
20	T15		20		THI HỌC KỲ 3	20		HỌC KỲ PHỤ
21		TẾT NGUYÊN ĐÁN	21		TẾT NGUYÊN ĐÁN	21		TẾT NGUYÊN ĐÁN
22		TẾT NGUYÊN ĐÁN	22		TẾT NGUYÊN ĐÁN	22		TẾT NGUYÊN ĐÁN
23		TẾT NGUYÊN ĐÁN	23		TẾT NGUYÊN ĐÁN	23		TẾT NGUYÊN ĐÁN
24		THI HỌC KỲ 1	24	T1		24		HỌC KỲ PHỤ
25		THI HỌC KỲ 1	25	T2		25		HỌC KỲ PHỤ
26	T1		26	T3		26		HỌC KỲ PHỤ
27	T2		27	T4		27		HỌC KỲ PHỤ
28	T3		28	T5		28		HỌC KỲ PHỤ
29	T4		29	T6		29	T1	Thực tập tốt nghiệp
30	T5		30	T7		30	T2	Thực tập tốt nghiệp
31	T6		31	T8		31	T3	Thực tập tốt nghiệp
32	T7		32	T9		32	T4	Thực tập tốt nghiệp
33	T8		33	T10		33	T5	Thực tập tốt nghiệp
34	T9		34	T11		34	T6	Thực tập tốt nghiệp
35	T10		35	T12		35	T7	Thực tập tốt nghiệp
36	T11		36	T13		36	T8	Thực tập tốt nghiệp
37	T12		37	T14		37	T9	Thực tập tốt nghiệp
38	T13		38	T15		38	T10	Thực tập tốt nghiệp
39	T14		39		THI HỌC KỲ 4	39	T11	Thực tập tốt nghiệp
40	T15		40		THI HỌC KỲ 4	40	T12	Thực tập tốt nghiệp
41		THI HỌC KỲ 2	41		DỰ TRỮ	41	T13	Thực tập tốt nghiệp

Kế hoạch đào tạo 2011 – Cao đẳng nghề

		NĂM THỨ NHẤT			NĂM THỨ HAI			NĂM THỨ BA
42		THI HỌC KỲ 2	42		DỰ TRỮ	42	T14	Thực tập tốt nghiệp
43		HỌC KỲ PHỤ	43		HỌC KỲ PHỤ	43	T15	Thực tập tốt nghiệp
44		HỌC KỲ PHỤ	44		HỌC KỲ PHỤ	44		Thi TN Chính trị
45		HỌC KỲ PHỤ	45		HỌC KỲ PHỤ	45		Thi TN lý thuyết nghề
46		HỌC KỲ PHỤ	46		HỌC KỲ PHỤ	46		Thi TN thực hành nghề
47		HỌC KỲ PHỤ	47		HỌC KỲ PHỤ	47		TỔNG KẾT
48		HÈ	48		HÈ	48		HÈ
49		HÈ	49		HÈ	49		HÈ
50		HÈ	50		HÈ	50		HÈ
51		HÈ	51		HÈ	51		HÈ
52		HÈ	52		HÈ	52		HÈ